TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **325**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-12-2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Bà Đỗ Thị Lam – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 975/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/11/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 559/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/12/2021 và Thông báo dời lịch số 160/TB-TA ngày 20/12/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Khúc Thị Ngọc H1, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Lê Minh H2, sinh năm 1987;

Địa chỉ : Phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H2 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai tại Tòa án, nguyên đơn – Bà Khúc Thị Ngọc H1 trình bày:

Bà và ông Lê Minh H2 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào ngày 31/01/2020, hôn nhân tự nguyện, không bị ai đe dọa, cưỡng ép. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm

trong đời sống cũng như cách nuôi dạy con cái. Chồng bà đánh đập bà và hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Mặc dù đã nhiều lần hòa giải và được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng vẫn không thể giải quyết được mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H1 làm đơn xin ly hôn với ông Lê Minh H2.

Về con chung: Bà và ông H2 có 01 con chung tên Lê Ngọc Bảo T1, sinh ngày 03/3/2020. Bà H1 có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Bảo T1, tạm thời không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Ông Lê Minh H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày tại Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Khúc Thị Ngọc H1; về con chung: Giao Lê Ngọc Bảo T1, sinh ngày 03/3/2020 cho bà H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm thời, ông H2 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà H1 khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có ý kiến nên vấn đề tài sản chung không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Bà H1 khai không có, không yêu cầu giải quyết; ông H2 không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến nên không đặt ra xem xét; về án phí: Bà H1 phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Khúc Thị Ngọc H1 xin ly hôn ông Lê Minh H2. Theo biên bản xác minh ngày 10/6/2021 thể hiện, ông Lê Minh H2 có đăng ký thường trú và thường xuyên đi về tại địa chỉ phường T, thành phố Ba, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo điểm a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng cho bà H1, ông H2. Tuy nhiên, bà H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Khúc Thị Ngọc H1 và ông Lê Minh H2 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào ngày 31/01/2020, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo các điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H1 là có cơ sở chấp nhận vì:

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Thực tế, theo như bà H1 trình bày, thời gian đầu chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong đời sống cũng như cách nuôi dạy con cái. Ông H2 đánh đập bà và hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Mặc dù đã nhiều lần hòa giải và được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng vẫn không thể giải quyết được mâu thuẫn. Bà H1 nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông H2.

Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H1 và ông H2. Theo biên bản xác minh mâu thuẫn ngày 10/6/2021 thể hiện, địa phương không biết thông tin mâu thuẫn vợ chồng do ông H2, bà H1 không trình báo với địa phương.

Ông H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc và tham gia phiên tòa nhưng ông H2 đều vắng mặt nên không có lời trình bày tại Tòa.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H1 và ông H2 đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng. Ông H2 cũng không tích cực trong việc hàn gắn, níu kéo mối quan hệ vợ chồng với bà H1. Mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H2 cũng không lên Tòa để trình bày ý kiến, hòa giải, tham gia phiên tòa.

Như vậy, mục đích hôn nhân giữa bà H1 và ông H2 không đạt được, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên căn cứ vào các điều 51, 54, 56, 57, 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho bà H1 được ly hôn với ông H2.

[4] Về con chung: Bà H1 và ông H2 có 01 con chung là cháu Lê Ngọc Bảo T1, sinh ngày 03/3/2020.

Bà H1 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về phía ông Lê Minh H2, ông H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến về vấn đề con chung.

Do đó, để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất cho trẻ, Tòa án giao cháu Lê Ngọc Bảo T1, sinh ngày 03/3/2020 cho bà Khúc Thị Ngọc H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông H2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H2 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà H1 trình bày hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông H2 không đến Tòa án làm việc, không có lời trình bày tại Tòa án nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà H1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông H2 không đến Tòa án làm việc, không có lời trình bày tại Tòa án nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bà Khúc Thị Ngọc H1 phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều 8, 9, 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Khúc Thị Ngọc H1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Khúc Thị Ngọc H1 được ly hôn với ông Lê Minh H2.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Bảo T1, sinh ngày 03/3/2020 cho bà Khúc Thị Ngọc H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Lê Minh H2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Minh H2 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Khúc Thị Ngọc H1 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H1 đã nộp theo biên lai thu số 0001039 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, bà H1 đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bà Khúc Thị Ngọc H1 và ông Lê Minh H2 được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Duyên